

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI

Chủ đề (Nội dung) kiến thức	Mức độ nhận thức			
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng ở mức cao hơn
Các cấp tổ chức của thế giới sống	Câu 1, 4	Câu 2		
<i>3 Câu = 15 điểm 10%</i>	<i>2 Câu = 10 điểm 67,67%</i>	<i>1 Câu = 5 điểm 33,33%</i>		
Các giới sinh vật	Câu 3	Câu 5, 6		
<i>3 Câu = 15 điểm 10%</i>	<i>1 Câu = 5 điểm 33,33%</i>	<i>2 Câu = 10 điểm 67,67%</i>		
Các nguyên tố hóa học và nước	Câu 9, 10	Câu 7	Câu 19	
<i>4 Câu = 20 điểm 13,33%</i>	<i>2 Câu = 10 điểm 50%</i>	<i>1 Câu = 5 điểm 25%</i>	<i>1 Câu = 5 điểm 25%</i>	
Cacbohidrat và lipit	Câu 8, 11, 18			
<i>3 Câu = 15 điểm 10%</i>	<i>3 Câu = 15 điểm 100%</i>			
Protein và Axit nuclêic	Câu 12, 13, 20			Câu 26
<i>4 Câu = 20 điểm 13,33%</i>	<i>3 Câu = 15 điểm 75%</i>			<i>1 Câu = 5 điểm 25%</i>
Tế bào nhân sơ	Câu 23	Câu 25, 27		
<i>3 Câu = 15 điểm 10%</i>	<i>1 Câu = 5 điểm 33,33%</i>	<i>2 Câu = 10 điểm 67,67%</i>		
Tế bào nhân thực	Câu 15, 17, 30	Câu 21, 28	Câu 14, 22, 29	
<i>8 Câu = 40 điểm 26,67%</i>	<i>3 Câu = 15 điểm 37,5%</i>	<i>2 Câu = 10 điểm 25%</i>	<i>3 Câu = 15 điểm 37,5%</i>	
Vận chuyển các chất qua màng sinh chất		Câu 24		Câu 16
<i>2 Câu = 10 điểm 6,67%</i>		<i>1 Câu = 5 điểm 50%</i>		<i>1 Câu = 5 điểm 50%</i>
30 Câu; 150 điểm; 100%	15 Câu = 75 điểm 50%	9 Câu = 45 điểm 30%	4 Câu = 20 điểm 13,33%	2 Câu = 10 điểm 6,67%

Câu 1: Đơn vị tổ chức cơ sở của mọi sinh vật là:

- A. các đại phân tử **B.** tế bào C. mô D. cơ quan

Câu 2: Các loài sinh vật mặc dù khác nhau nhưng chúng vẫn có đặc điểm chung là vì:

- A. Chúng sống trong những môi trường khác nhau. B. Chúng đều được cấu tạo từ tế bào.
C. Chúng đều có chung một tổ tiên. D. Tất cả các điều nêu trên đều đúng.

Câu 3: Trong các đơn vị phân loại sinh vật dưới đây, **đơn vị thấp nhất** so với các đơn vị còn lại là:

- A. họ **B.** loài C. bộ D. lớp

Câu 4: Tập hợp các sinh vật và hệ sinh thái trên Trái Đất được gọi là gì?

- A. Khí quyển B. Thủy quyển C. Thạch quyển **D.** Sinh quyển

Câu 5: Trong giới động vật, ngành có **mức độ tiến hoá nhất** là:

- A.** Có xương sống B. Chân khớp C. Thân mềm D. Giun dẹp

Câu 6: Những giới sinh vật thuộc nhóm sinh vật nhân thực là?

- A. Giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới thực vật, giới động vật.

- B. Giới khởi sinh, giới nấm, giới thực vật, giới động vật.

- C.** Giới nguyên sinh, giới thực vật, giới nấm, giới động vật.

- D. Giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới thực vật, giới nấm.

Câu 7: Phần lớn các nguyên tố đa lượng cấu tạo nên

- A. lipit, enzym.

- B. prôtêin, vitamin.

- C.** đại phân tử hữu cơ.

- D. glucôzơ, tinh bột, vitamin.

Câu 8: Đường mía (saccarôzơ) là loại đường đôi được cấu tạo bởi

- A.** một phân tử glucôzơ và một phân tử fructôzơ.

- B. hai phân tử glucôzơ.

- C. một phân tử glucôzơ và một phân tử galactôzơ.

- D. hai phân tử fructôzơ.

Câu 9: Nguyên tố đại lượng là nguyên tố có tỉ lệ bao nhiêu trong khối lượng chất sống của cơ thể?

- A. Nhỏ hơn 0,01%

- B. Lớn hơn 0,001%

- C.** Lớn hơn 0,01%

- D. Nhỏ hơn 0,001%

Câu 10: Nhóm các nguyên tố nào sau đây là nhóm **nguyên tố chính** cấu tạo nên chất sống?

- A. H, Na, P, Cl

- B. C, Na, Mg, N

- C.** C, H, O, N

- D. C, H, Mg, Na

Câu 11: Những dạng đường nào dưới đây thuộc dạng **đường đôi**:

- A. Glucôzơ, fructôzơ, galactôzơ

- B.** Lactôzơ, saccarôzơ

- C. Xenlulôzơ, tinh bột, kitin

- D. Mantôzơ, tinh bột

Câu 12: Trong phân tử prôtêin, các axit amin đã liên kết với nhau bằng liên kết:

- A.** peptit.

- B. cộng hoá trị.

- C. hydro.

- D. ion.

Câu 13: Các loại Nuclêôtit trong phân tử ADN là:

- A. Uraxin, Timin, Adênin, Xitôzin và Guanin

- B. Adênin, Uraxin, Timin và Guanin

- C.** Guanin, Xitôzin, Timin và Adênin

- D. Uraxin, Timin, Xitôzin và Adênin

Câu 14: Loại tế bào sau đây có chứa **nhiều Lizôxôm** nhất?

- A.** Tế bào bạch cầu

- B. Tế bào cơ

- C. Tế bào hồng cầu

- D. Tế bào thần kinh

Câu 15: Ở tế bào động vật, trên màng sinh chất có thêm nhiều **phân tử colestêrol** có tác dụng gì?

- A. Tạo ra tính rắn cứng cho màng

- B. Bảo vệ màng tế bào

- C.** Làm tăng sự ổn định của màng sinh chất

- D. Hình thành cấu trúc bền vững cho màng

Câu 16: Khi đặt tế bào hồng cầu vào trong môi trường ưu trương, sẽ có hiện tượng:

- A. Tế bào lớn dần lên.

- B. Tế bào không thay đổi hình dạng.

- C. Tế bào chết.

- D.** Tế bào co lại.

Câu 17: Trên màng lưới nội chất trơn có chứa nhiều loại chất nào sau đây?

- A. Pôlisaccarit

- B. Kháng thể

- C.** Enzim

- D. Hoocmon

Câu 18: Photpholipit cấu tạo bởi:

- A. 1 phân tử glixêrin liên kết với 1 phân tử axit béo và 1 nhóm phốt phat.
- B.** 1 phân tử glixêrin liên kết với 2 phân tử axit béo và 1 nhóm phốt phat.
- C. 2 phân tử glixêrin liên kết với 1 phân tử axit béo và 1 nhóm phốt phat.
- D. 3 phân tử glixêrin liên kết với 1 phân tử axit béo và 1 nhóm phốt phat.

Câu 19: Loại phân tử hữu cơ nào có **cấu trúc và chức năng đa dạng nhất**?

- A.** Protein.
- B. Cacbohidrat.
- C. Axit nucleic.
- D. Lipit.

Câu 20: Loại phân tử nào có chức năng truyền thông tin từ ADN tới ribôxôm và được dùng như khuôn tổng hợp nên protein?

- A. rARN.
- B. ADN.
- C.** mARN.
- D. tARN.

Câu 21: Trong tế bào, bào quan có **kích thước nhỏ nhất** là:

- A.** ribôxôm.
- B. ty thể.
- C. lục thể.
- D. trung thể.

Câu 22: Các tế bào sau trong cơ thể người, tế bào có **nhiều ti thể nhất** là tế bào:

- A. hồng cầu.
- B.** cơ tim.
- C. xương.
- D. biểu bì.

Câu 23: Thành phần hóa học của thành tế bào của **vi khuẩn** là:

- A. Kitin
- B. Xenlulôzơ
- C. Cacbohyđrat
- D.** Peptidoglican

Câu 24: Các phân tử có kích thước lớn không thể lọt qua các lỗ màng thì tế bào đã thực hiện hình thức nào?

- A. Vận chuyển chủ động.
- B. Ẩm bào.
- C. Thực bào.
- D.** Ẩm bào và thực bào

Câu 25: **Tế bào nhân sơ** gồm những thành phần chính nào?

- A.** Màng tế bào, tế bào chất và vùng nhân
- B. Thành tế bào, tế bào chất và nhân
- C. Vỏ nhày, màng sinh chất, tế bào chất
- D. Màng sinh chất, tế bào chất và nhân

Câu 26: Đặc điểm cấu tạo của ARN khác với ADN là:

- A. Đại phân tử, có cấu trúc đa phân.
- B.** Có cấu trúc một mạch.
- C. Có liên kết hidro giữa các đơn phân.
- D. Có liên kết hidro giữa hai mạch.

Câu 27: Bào quan có mặt ở tế bào nhân sơ là

- A. ti thể
- B.** ribôxôm.
- C. lục thể.
- D. trung thể.

Câu 28: Trong cấu tạo tế bào thực vật, **xenlulôzơ** tập trung ở đâu?

- A. Chất nguyên sinh
- B.** Thành tế bào
- C. Nhân tế bào
- D. Màng nhân.

Câu 29: Trong cơ thể người, tế bào có **lưới nội chất hạt phát triển mạnh nhất** là tế bào

- A. cơ.
- B. biểu bì.
- C.** bạch cầu.
- D. hồng cầu.

Câu 30: Tế bào của cùng một cơ thể có thể nhận biết nhau và nhận biết các tế bào " lạ " là nhờ

- A.** màng sinh chất có " dấu chuẩn ".
- B. màng sinh chất có khả năng trao đổi chất với môi trường.
- C. màng sinh chất có prôtêin thụ thể.
- D. màng sinh chất là màng khảm động.

ĐỀ THI HKI

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		
	BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG
PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THẾ GIỚI SỐNG	Câu 2 Câu 3		Câu 4
<i>3 câu, 15 điểm, 10%</i>	<i>2 câu, 10 điểm, 66.67%</i>		<i>1 câu, 5 điểm, 33.33%</i>
PHẦN II. SINH HỌC TB Chương I. Thành phần hóa học của TB	Câu 5, Câu 6, Câu 9, Câu 10, Câu 13, Câu 17, Câu 18	Câu 7, Câu 14, Câu 19	Câu 8, Câu 11, Câu 16
<i>13 câu, 65 điểm, 43.33%</i>	<i>7 câu, 35 điểm, 59.84%</i>	<i>3 câu, 15 điểm, 20.08%</i>	<i>3 câu, 15 điểm, 20.08%</i>
PHẦN II. SINH HỌC TB Chương II. Cấu trúc TB	Câu 21, Câu 22, Câu 24	Câu 20, Câu 23, Câu 28	Câu 25, Câu 26
<i>8 câu, 40 điểm, 26.67%</i>	<i>3 câu, 15 điểm, 37.50%%</i>	<i>3 câu, 15 điểm, 37.50%%</i>	<i>2 câu, 10 điểm, 25%</i>
PHẦN II. SINH HỌC TB Chương II. Chuyển hóa vật chất và năng lượng trong TB	Câu 29, Câu 30, Câu 1	Câu 14, Câu 27	
<i>6 câu, 30 điểm, 20%</i>	<i>3 câu, 15 điểm, 50%</i>	<i>3 câu, 15 điểm, 50%</i>	
30 câu, 150 điểm, 100%	15 câu, 65 điểm, 50%	9 câu, 45 điểm, 30%	6 câu, 30 điểm, 20%

Khoanh tròn đáp án đúng nhất cho các câu sau đây:

Câu 1. Cơ chất là:

- A. Chất tham gia cấu tạo Enzim
- B. Sản phẩm tạo ra từ các phản ứng cho do Enzim xúc tác
- C. Chất tham gia phản ứng do Enzim xúc tác
- D. Chất tạo ra do nhiều Enzim liên kết lại

Câu 2. Thứ tự sắp xếp nào là đúng theo nguyên tắc tổ chức sống từ thấp đến cao:

- A. Cơ thể, quần thể, hệ sinh thái, quần xã
- B. Quần xã, quần thể, hệ sinh thái, cơ thể
- C. Cơ thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái
- D. Quần thể, quần xã, cơ thể, hệ sinh thái

Câu 3. Vi khuẩn là dạng sinh vật được xếp vào giới nào sau đây?

- A. Giới nguyên sinh
- B. Giới khởi sinh
- C. Giới thực vật
- D. Giới động vật

Câu 4. Điểm giống nhau của các sinh vật thuộc giới Nguyên sinh, giới Thực vật và giới Động vật là:

- A. Cơ thể đều có cấu tạo đa bào
- B. Tế bào cơ thể đều có nhân sơ
- C. Cơ thể đều có cấu tạo đơn bào
- D. Tế bào cơ thể đều là tế bào nhân thực

Câu 5. Nhóm các nguyên tố nào sau đây là nhóm nguyên tố chính cấu tạo nên chất sống?

- A. C,H,O,N
- B. C,Na,Mg,N
- C. H,Na,P,Cl
- D. C,H,Mg,Na

Câu 6. Các nguyên tố hoá học chiếm lượng lớn trong khối lượng khô của cơ thể được gọi là:

- A. Các hợp chất vô cơ
- B. Các nguyên tố đại lượng
- C. Các hợp chất hữu cơ
- D. Các nguyên tố vi lượng

Câu 7. Nguyên tố hoá học đặc biệt quan trọng tham gia cấu tạo nên các đại phân tử hữu cơ là

- A. Hidrô
- B. Ôxi
- C. Cacbon
- D. Nitơ

Câu 8. Nguyên tố Fe là thành phần của cấu trúc nào sau đây?

- A. Hêmôglôbin trong hồng cầu của động vật
- B. Diệp lục tố trong lá cây
- C. Sắc tố melanin trong lớp da
- D. Sắc tố của hoa, quả ở thực vật

Câu 9. Nước ở dạng tự do có đặc tính phân cực nên có vai trò gì?

- A. Làm dung môi hoà tan nhiều chất, tạo môi trường cho các phản ứng sinh hoá xảy ra.
- B. Làm ổn định nhiệt của cơ thể.
- C. Làm giảm nhiệt độ cơ thể.
- D. Làm cho tế bào chất dẫn điện tốt.

Câu 10. Các nguyên tố hoá học cấu tạo của Cacbonhidrat là:

- A. Cacbon và hiđrô
- B. Hiđrô và ôxi
- C. Ôxi và cacbon
- D. Cacbon, hiđrô và ôxi

Câu 11. Nhóm chất nào sau đây là đường đơn (có chứa 6 nguyên tử các bon)?

- A. Glucôzơ, Fructôzơ, Xenlulôzơ
- B. Fructôzơ, galactôzơ, glulôzơ
- C. Galactôzơ, Xenlucôzơ, Tinh bột
- D. Tinh bột, lactôzơ, Pentôzơ

Câu 12. Enzim Prôtêaza có tác dụng xúc tác quá trình nào sau đây?

- A. Phân giải lipit thành axit béo và glixêin
- B. Phân giải prôtêin
- C. Phân giải đường disaccarit thành mônôsaccarit
- D. Phân giải đường lactôzơ

Câu 13. Thành phần cấu tạo chủ yếu của mỡ:

- A. Axit béo và rượu
- B. Đường và rượu
- C. Glixêrol và đường
- D. Axit béo và Glixêrol

Câu 14. Photpholipit có chức năng chủ yếu là:

- A. Tham gia cấu tạo nhân của tế bào
- B. Là thành phần cấu tạo của màng tế bào
- C. Là thành phần của máu ở động vật
- D. Cấu tạo nên chất diệp lục ở lá cây

Câu 15. Quá trình phân giải axit nuclêic thành nuclêôtit được xúc tác bởi Enzim?

A. Nuclêaza

B. Prôtêaza

C. Peptidaza

D. Amilaza

Câu 16. Loại Prôtêin nào có chức năng điều hoà các quá trình trao đổi chất trong tế bào và cơ thể?

A. Prôtêin cấu trúc

B. Prôtêin kháng thể

C. Prôtêin hoocmôn

D. Prôtêin vận động

Câu 17. Đặc điểm cấu tạo của phân tử ADN là:

A. Có một mạch pôlinuclêôtit

C. Có ba mạch pôlinuclêôtit

B. Có hai mạch pôlinuclêôtit

D. Có một hay nhiều mạch pôlinuclêôtit

Câu 18. Chức năng của ADN là:

A. Cung cấp năng lượng cho hoạt động tế bào

C. Bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền

B. Trực tiếp tổng hợp Prôtêin

D. Là thành phần cấu tạo của màng tế bào

Câu 19. Loại bazơ nitơ nào sau đây chỉ có trong ARN mà không có trong ADN?

A. Adênin

B. Guanin

C. Uraxin

D. Xitôzin

Câu 20. Đặc điểm của tế bào nhân sơ là:

A. Tế bào chất đã phân hoá chứa đủ các loại bào quan

C. Màng nhân giúp trao đổi chất giữa nhân với tế bào chất

B. Chưa có màng nhân

D. Có kích thước nhỏ

Câu 21. Hình thái của vi khuẩn được ổn định nhờ cấu trúc nào sau đây?

A. Thành tế bào

B. Vỏ nhày

C. Màng sinh chất

D. Tế bào chất

Câu 22. Hoạt động nào sau đây là chức năng của nhân tế bào?

A. Chứa đựng thông tin di truyền

B. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động của tế bào

C. Vận chuyển các chất bài tiết cho tế bào

D. Duy trì sự trao đổi chất giữa tế bào và môi trường

Câu 23. Hoạt động nào sau đây xảy ra trên lưới nội chất hạt?

A. Ôxi hoá chất hữu cơ tạo năng lượng cho tế bào

C. Tổng hợp Pôlisaccarit cho tế bào

B. Tổng hợp các chất bài tiết

D. Tổng hợp Prôtêin

Câu 24. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về thành phần hoá học chính của màng sinh chất?

A. Một lớp photpholipit và các phân tử prôtêin

C. Một lớp photpholipit và không có prôtêin

B. Hai lớp photpholipit và các phân tử prôtêin

D. Hai lớp photpholipit và không có prôtêin

Câu 25. Đặc điểm của sự vận chuyển chất qua màng tế bào bằng sự khuếch tán là:

A. Chỉ xảy ra với những phân tử có đường kính lớn hơn đường kính của lỗ màng

B. Chất luôn vận chuyển từ nơi nhược trương sang nơi ưu trương

C. Là hình thức vận chuyển chỉ có ở tế bào thực vật

D. Dựa vào sự chênh lệch nồng độ các chất ở trong và ngoài màng

Câu 26. Câu có nội dung đúng sau đây là:

A. Vật chất trong cơ thể luôn di chuyển từ nơi có nồng độ thấp sang nơi có nồng độ cao.

B. Sự vận chuyển chủ động trong tế bào cần được cung cấp năng lượng

C. Sự khuếch tán là 1 hình thức vận chuyển chủ động

D. Vận chuyển tích cực là sự thẩm thấu

Câu 27. Năng lượng của ATP tích lũy ở:

A. Cả 3 nhóm photphat

C. Liên kết giữa nhóm photphat cao năng

B. Liên kết giữa phân tử đường với nhóm bazơ nitơ

D. Liên kết giữa nhóm photphat với nhóm bazơ nitơ

Câu 28. Sự thẩm thấu là:

A. Sự di chuyển của các phân tử chất tan qua màng

B. Sự khuếch tán của các phân tử đường qua màng

C. Sự di chuyển của các ion qua màng

D. Sự khuếch tán của các phân tử nước qua màng

Câu 29. Enzim có bản chất là:

A. Prôtêin

B. Pôlisaccarit

C. Mônôsaccrit

D. Photpholipit

Câu 30. Khoảng nhiệt độ tối ưu cho hoạt động của Enzim trong cơ thể người là:

A. $15^{\circ}\text{C} - 20^{\circ}\text{C}$

B. $20^{\circ}\text{C} - 35^{\circ}\text{C}$

C. $20^{\circ}\text{C} - 25^{\circ}\text{C}$

D. $35^{\circ}\text{C} - 40^{\circ}\text{C}$